

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2025

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2024/TLST - HNGĐ, ngày 19/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐ-ST, ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1981

Nơi đăng ký HKTT: Xóm F, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công H1, sinh năm 1981

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố G, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Hàn Quốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Công H1 đăng ký kết hôn ngày 15/02/2005 tại UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Theo chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Sau kết hôn, vợ chồng sống với nhau hòa thuận đến năm 2015. Năm 2015 anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, sau khi anh H1 đi Hàn Quốc vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường, tháng 8/2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và ghen tuông làm cho cuộc sống vô cùng ngột ngạt. Đến tháng 12/2020 cả hai không còn tiếng nói chung, không muốn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau trong vấn đề tình cảm và cuộc sống. Từ tháng 5/2021 vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị H không còn tình cảm với anh H1, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công H1.

Tại biên bản làm việc ngày 25/11/2024, bà Võ Thị P, mẹ đẻ anh Nguyễn Công H1 cho biết: Anh H1, chị H kết hôn tự nguyện, vợ chồng anh H1, chị H có mâu thuẫn là do sống xa cách nhau còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà P không biết. Việc chị H làm đơn ly hôn, Tòa án đang giải quyết vụ án anh H1 biết, anh H1 có ý kiến chị H muốn ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo nội dung đơn khởi kiện của chị H. Bà P đồng ý nhận các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H1 và cam đoan thông báo kịp thời đầy đủ cho anh H1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 20/11/2005, Nguyễn Hải P1 sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Công Đ, sinh ngày 07/3/2015. Chị Nguyễn Thị Thu H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 3 con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị H, anh H1 tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Công H1.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Công Quốc B đã trên 18 tuổi, ở với ai là do cháu quyết định. Giao 02 con chung Nguyễn Hải P1, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Công Đ, sinh ngày 07/03/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công H1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 1291/QLXNC-Đ1 ngày 12/12/2024 của Phòng Q Công an tỉnh H về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Công H1 đã xuất cảnh ngày 21/9/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo thông tin người nhà anh H1 cho biết hiện tại anh H1 đang lao động tại Hàn Quốc. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Công H1 đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Nguyễn Công H1 qua bà Võ Thị P mẹ của anh H1, bà P cho biết hiện tại anh H1 lao động tại nước Hàn Quốc và thường xuyên liên lạc với gia đình, bà P không cung cấp địa chỉ hiện tại của anh H1 tại nước ngoài. Tòa án gửi công văn đề nghị Ban Đ1 đăng thông tin cho anh H1. Đ1 đã đăng thông tin cho anh H1 trong 3 ngày liên tiếp **ngày 16, 17, 18/12/2024 và đồng thời đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh**, nhưng anh H1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh H1 theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Công H1 đăng ký kết hôn ngày 15/02/2005 tại UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H từ tháng 8/2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và ghen tuông làm cho cuộc sống ngột ngạt, đỉnh điểm tháng 12/2020 cả hai không còn tiếng nói chung, không muốn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau trong vấn đề tình cảm và cuộc sống. Từ tháng 5/2021 vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chị H không còn tình cảm với anh H1. Theo bà P mẹ anh H1 cho biết hiện tại vợ chồng chị H, anh H1 có mâu thuẫn, còn cụ thể mâu thuẫn thế nào bà P không biết. Anh H1 cho bà P biết anh H1 đồng ý ly hôn với chị H, quá trình giải quyết vụ án anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng, giữa chị H, anh H1 không còn tình cảm, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Công H1.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 20/11/2005, Nguyễn Hải P1 sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Công Đ, sinh ngày 07/3/2015. Chị Nguyễn Thị Thu H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 3 con chung. Con Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 20/11/2005, đã trưởng thành đủ 18 tuổi cháu ở với ai là do cháu quyết định. Xét thấy, từ khi anh H1 đi xuất khẩu lao động đến nay các con ở với chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Hải P1 và Nguyễn Công Đ có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị H. Hiện tại anh H1 không có mặt tại Việt Nam. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Hải P1 và Nguyễn Công Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị H, anh H1 tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét. Anh H1 có quyền thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình, các Điều 28, 37, 227, 273, 238, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Công H1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải P1 sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Công Đ, sinh ngày 07/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H1 có quyền thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000182 ngày 18/11/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Nguyễn Công H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư

